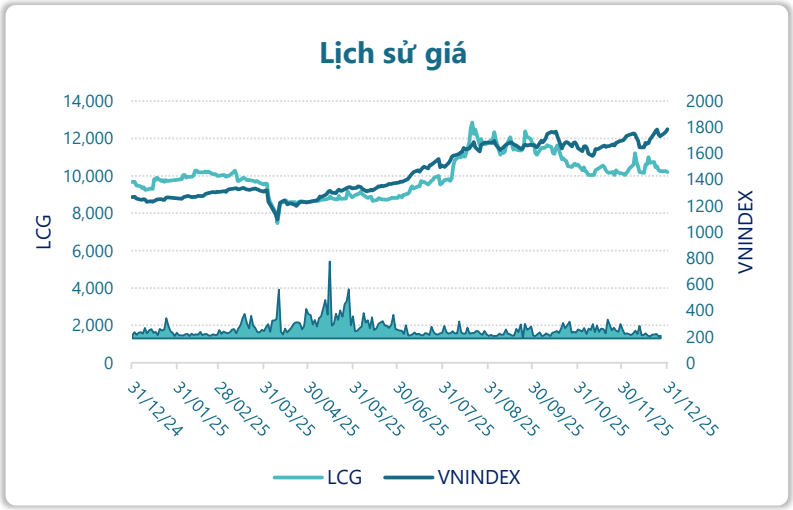
FireAnt

CTCP Lizen (HSX: LCG)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,850
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,467
SL cổ phiếu LH	206,602,129
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,514,335
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,107
P/E	14.0
EPS	730

DT thuần

Q4/25

1,276

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 710| 125%

YoY: ▲ 472| 58.7%

LN sau thuế

Q4/25

59.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 19.5| 48.7%

YoY: ▲ 23.0| 63.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.4%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

3,002

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 185| 6.6%

LN sau thuế

2025

150

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 30.0| 24.9%

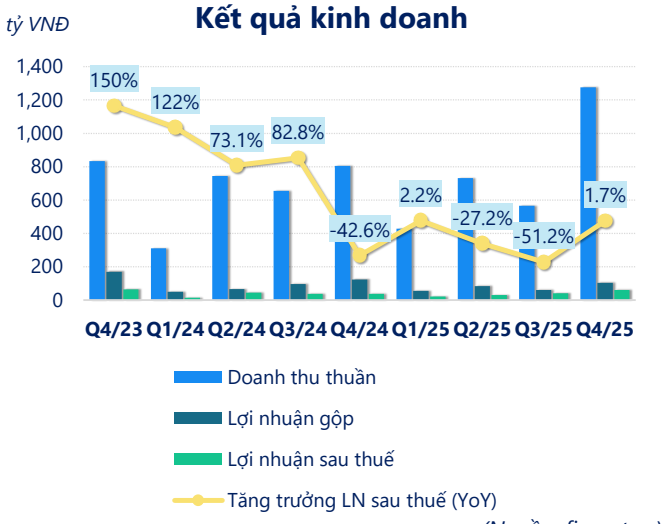
ROE

2025

5.7%

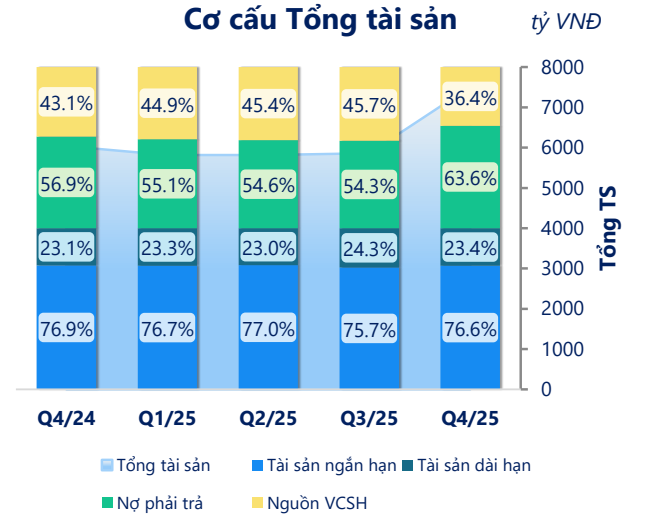
+/- YoY: ▲ 0.9%

Kết quả kinh doanh



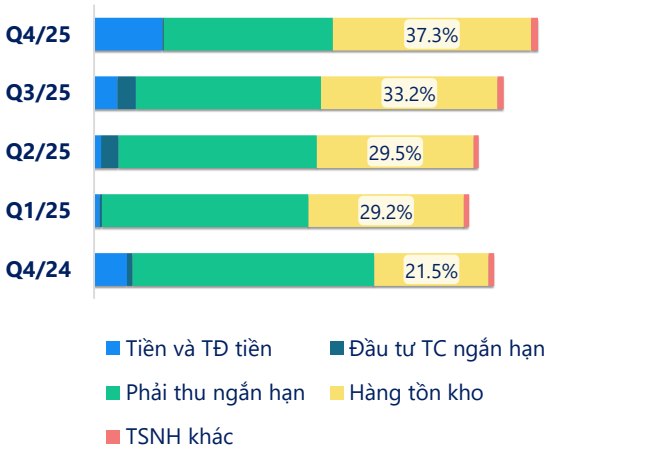
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



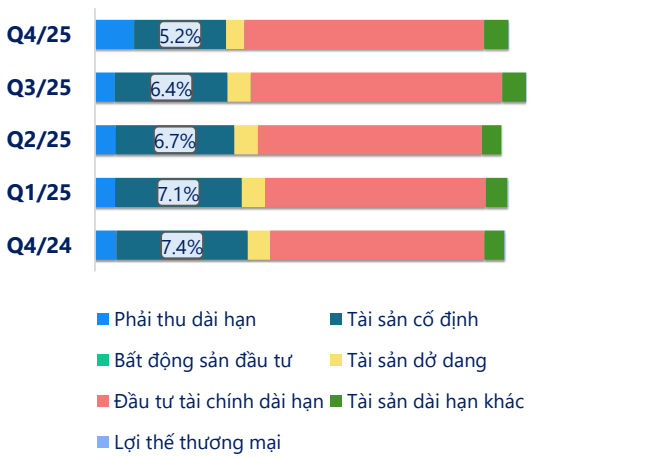
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



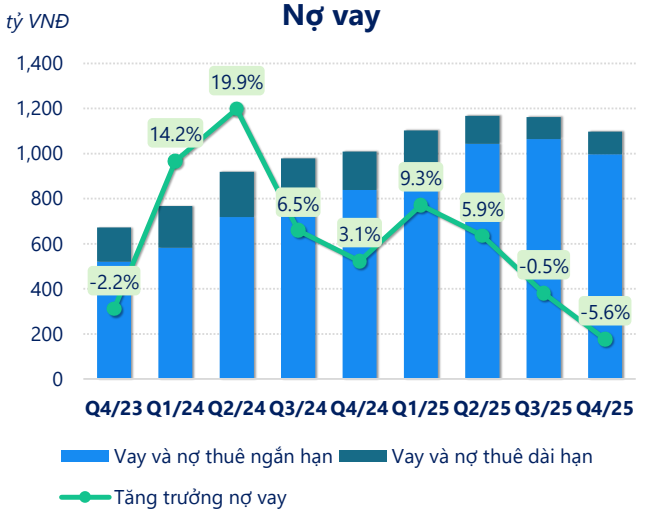
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



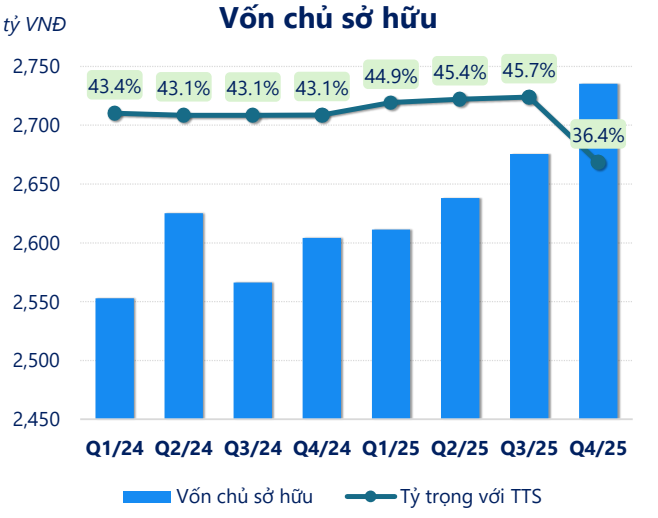
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



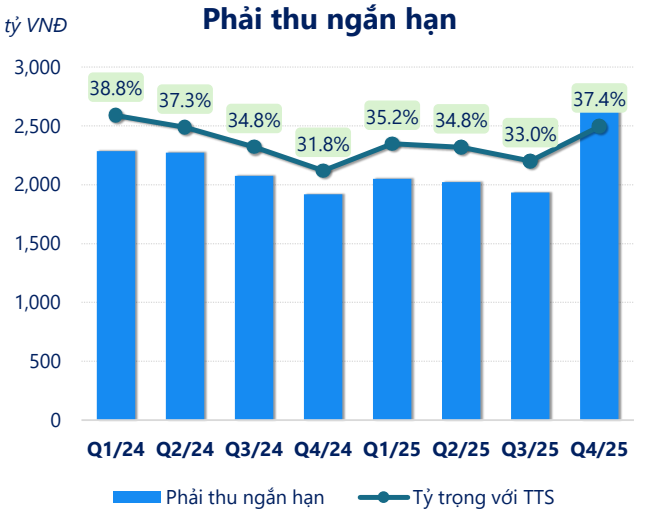
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



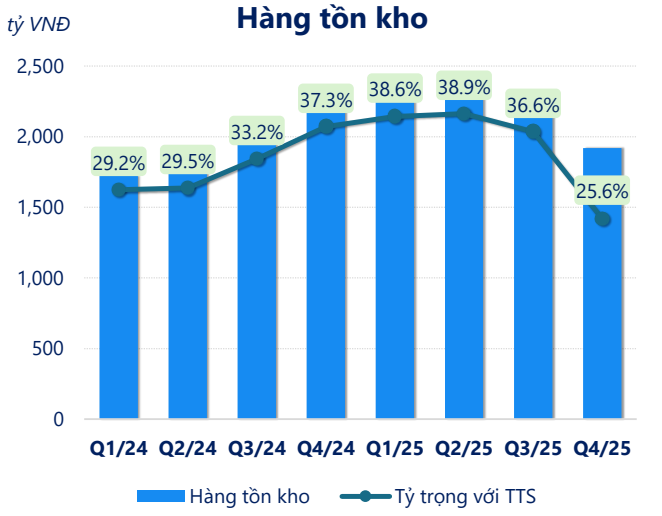
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



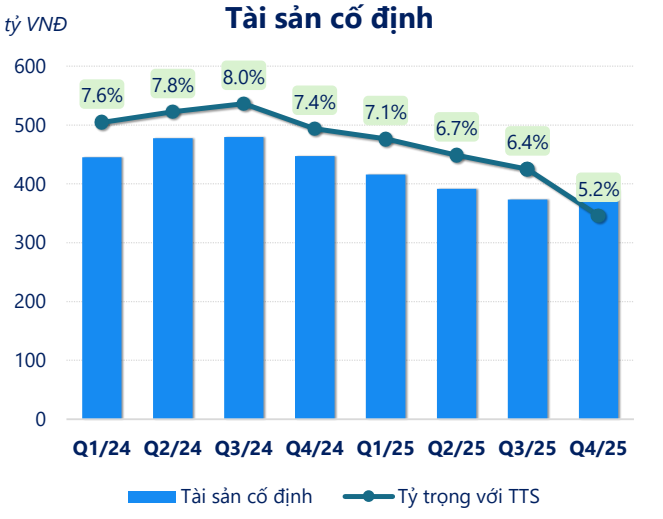
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



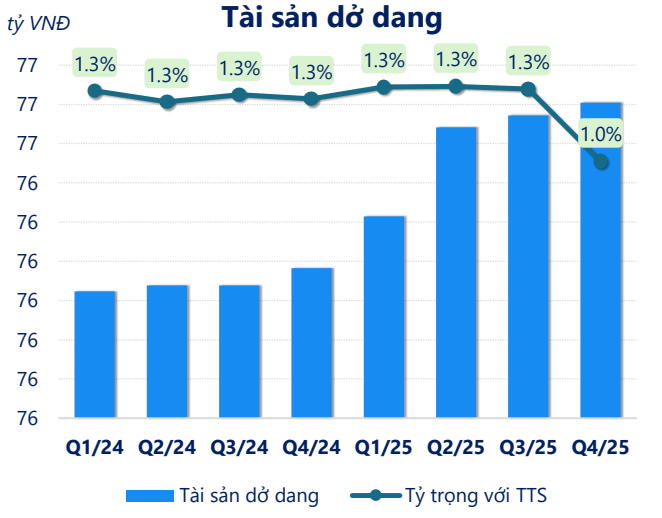
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



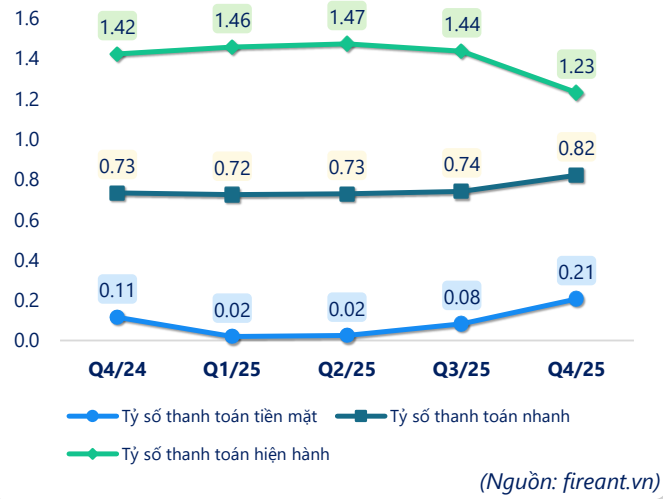
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



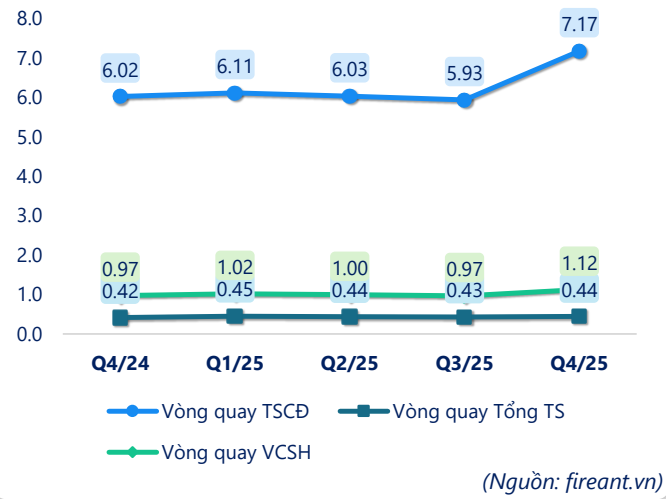
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**6,037**	**5,820**	**5,815**	**5,859**	**7,512**
Tài sản ngắn hạn	**4,640**	**4,463**	**4,480**	**4,433**	**5,757**
Tiền và tương đương tiền	374	60.5	74.8	256	964
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.2	20.8	11.0	0.96	1.46
Phải thu ngắn hạn	1,919	2,051	2,023	1,935	2,813
Hàng tồn kho	2,250	2,245	2,264	2,146	1,920
Tài sản ngắn hạn khác	79.0	86.1	108	94.0	59.0
Tài sản dài hạn	**1,397**	**1,357**	**1,335**	**1,427**	**1,754**
Phải thu dài hạn	73.1	66.2	66.7	65.5	166
Tài sản cố định	447	416	391	373	390
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	76.4	76.5	76.5	76.5	76.5
Đầu tư tài chính dài hạn	730	725	735	831	1,017
Tài sản dài hạn khác	67.5	70.3	63.1	78.4	104
Lợi thế thương mại	2.77	2.41	2.06	1.71	1.35
Nợ phải trả	**3,433**	**3,208**	**3,177**	**3,184**	**4,777**
Nợ ngắn hạn	**3,259**	**3,061**	**3,040**	**3,084**	**4,673**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	838	957	1,043	1,065	997
Phải trả người bán ngắn hạn	742	659	677	635	557
Nợ dài hạn	173	148	137	99.6	104
Vay và nợ thuê dài hạn	171	146	125	97.3	101
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,604**	**2,611**	**2,638**	**2,676**	**2,735**
Vốn chủ sở hữu	**2,604**	**2,611**	**2,638**	**2,676**	**2,735**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	1,951	1,951	2,086
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)